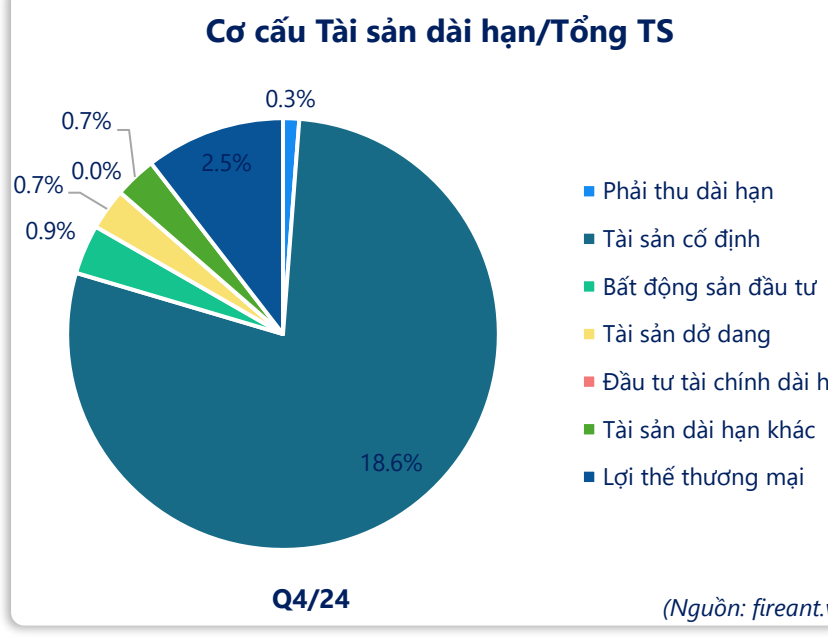
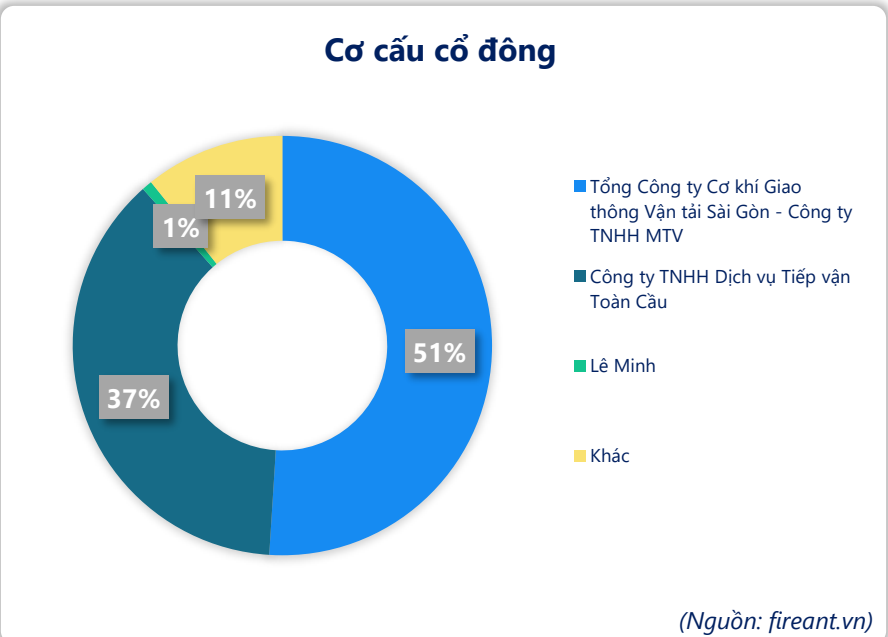
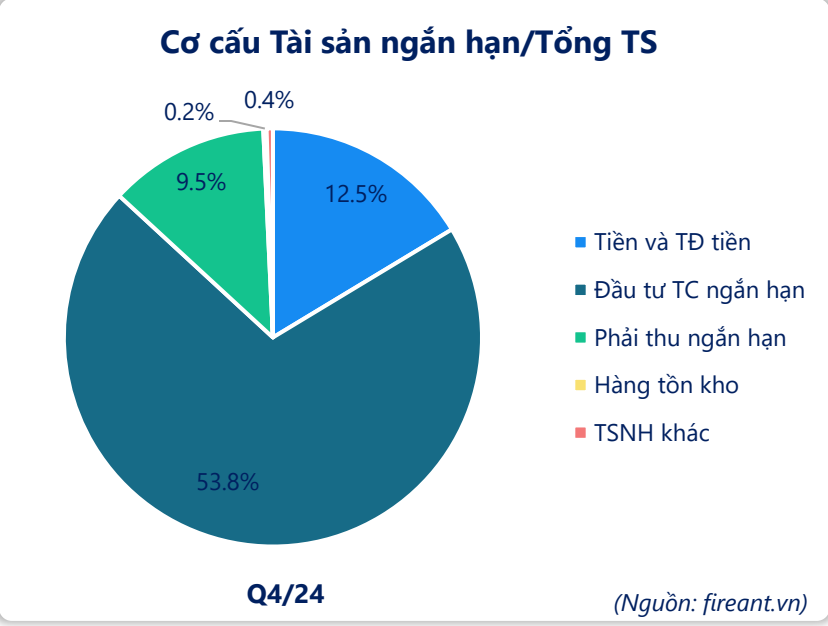
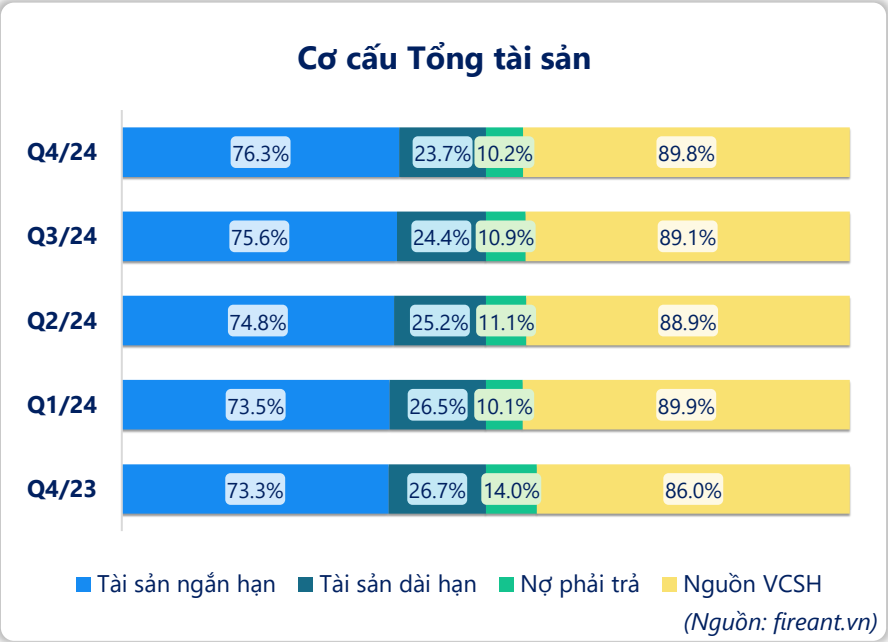
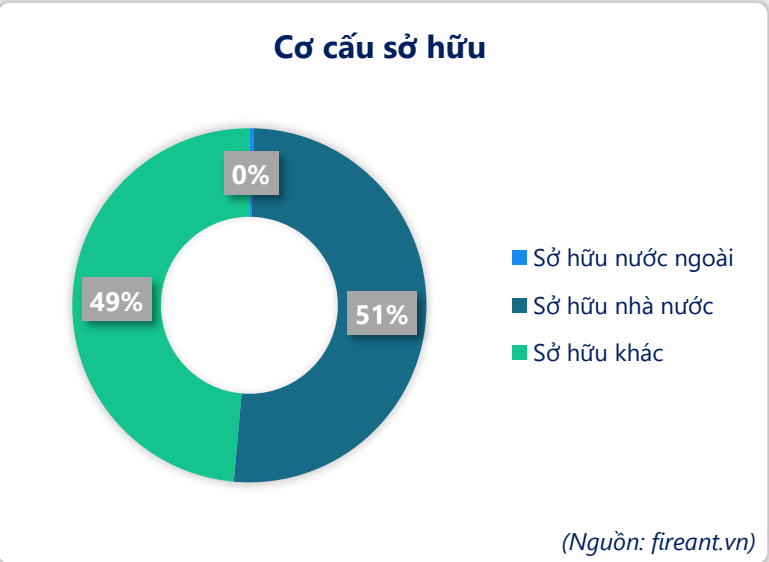
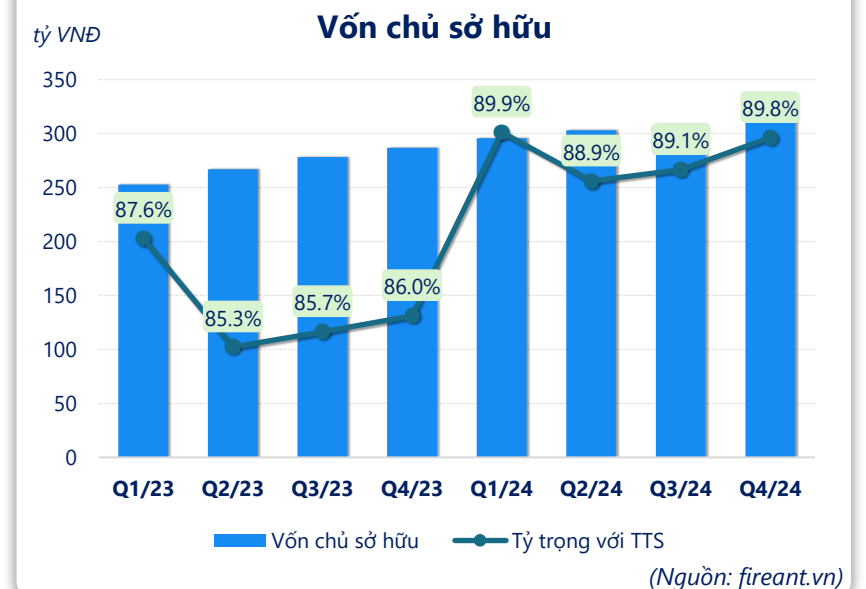
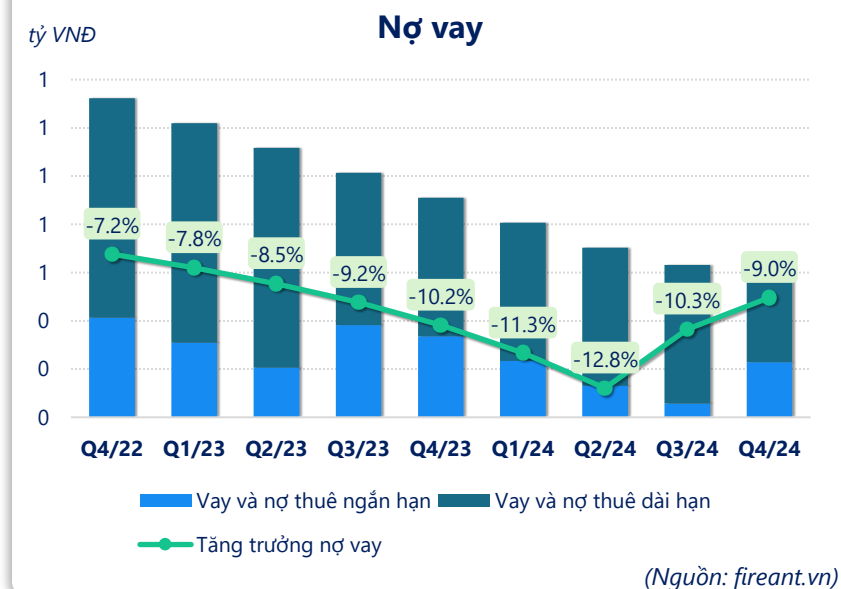
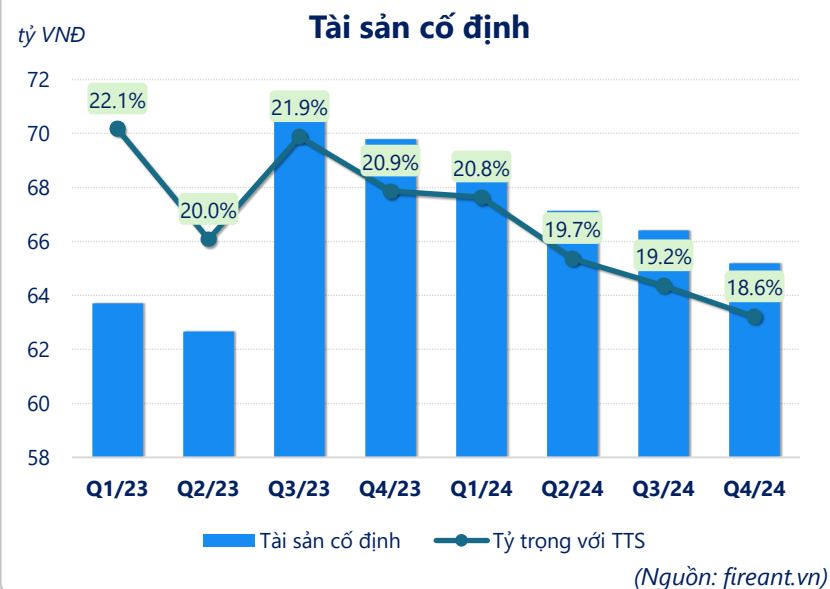
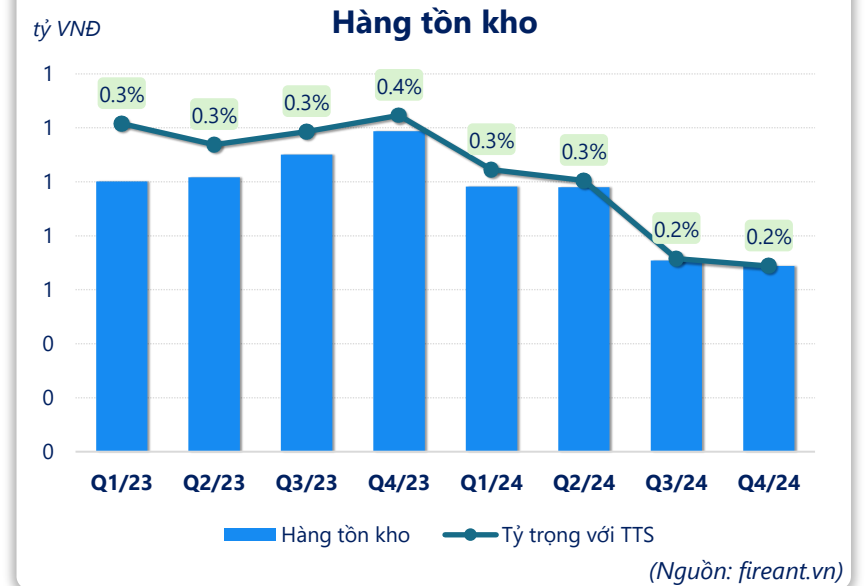
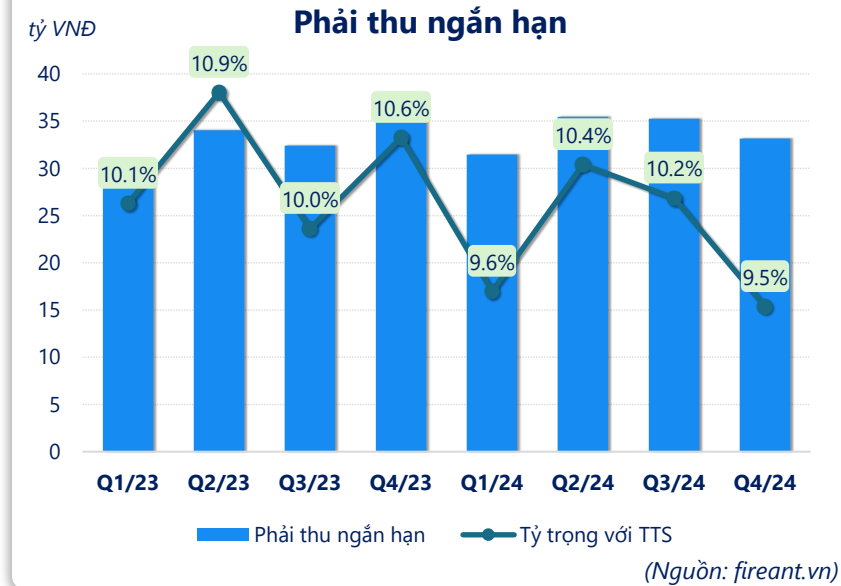
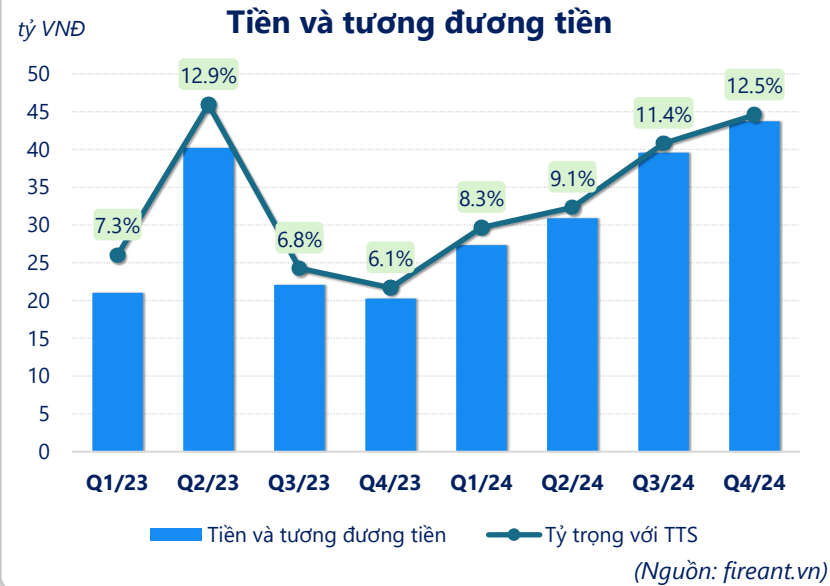
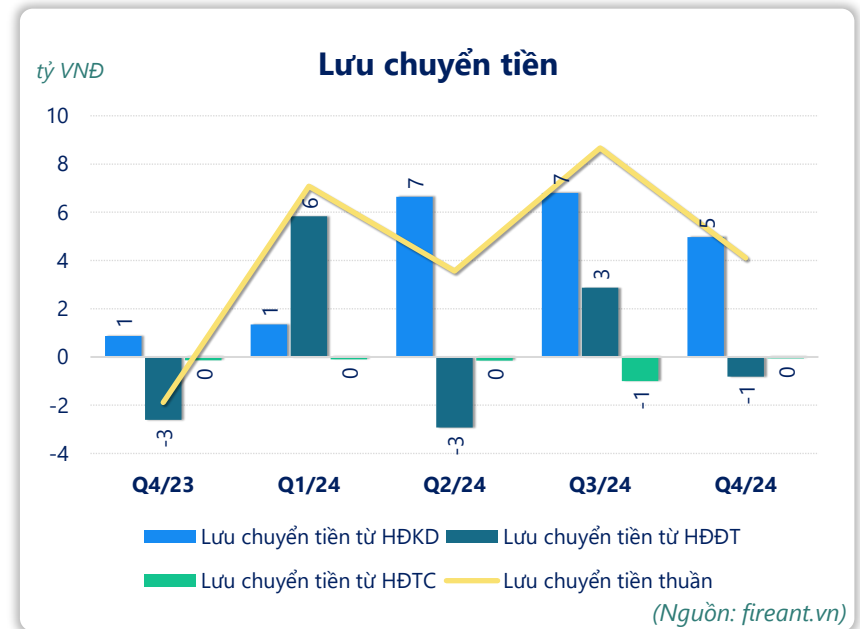
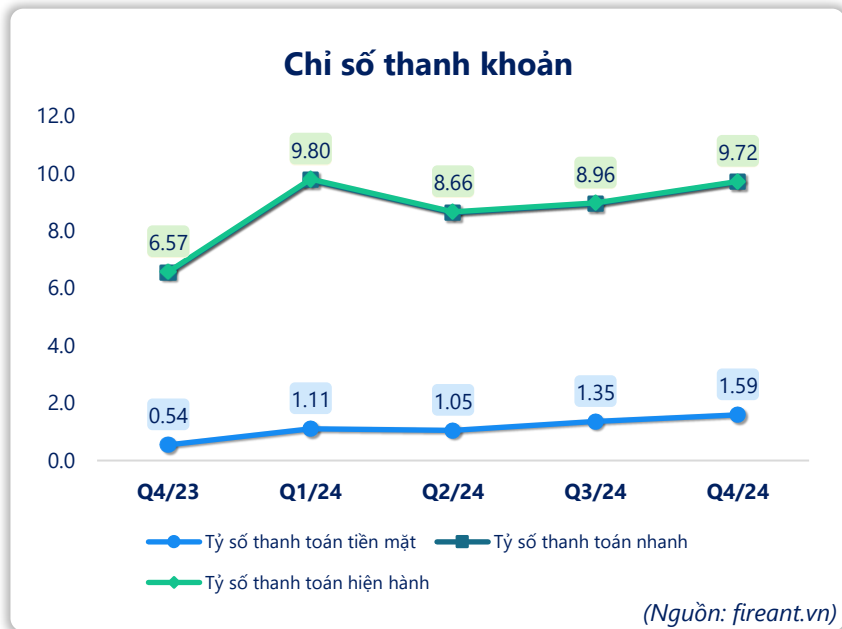
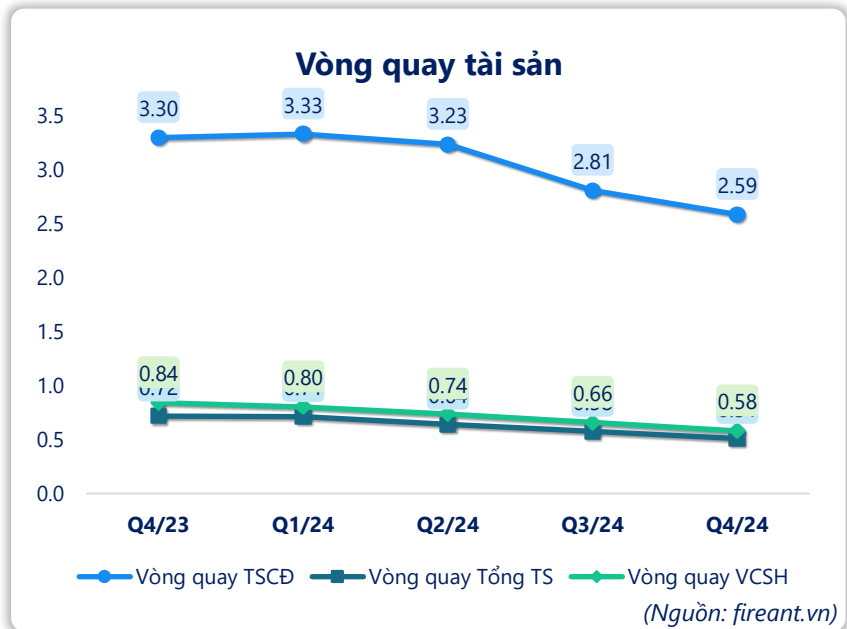
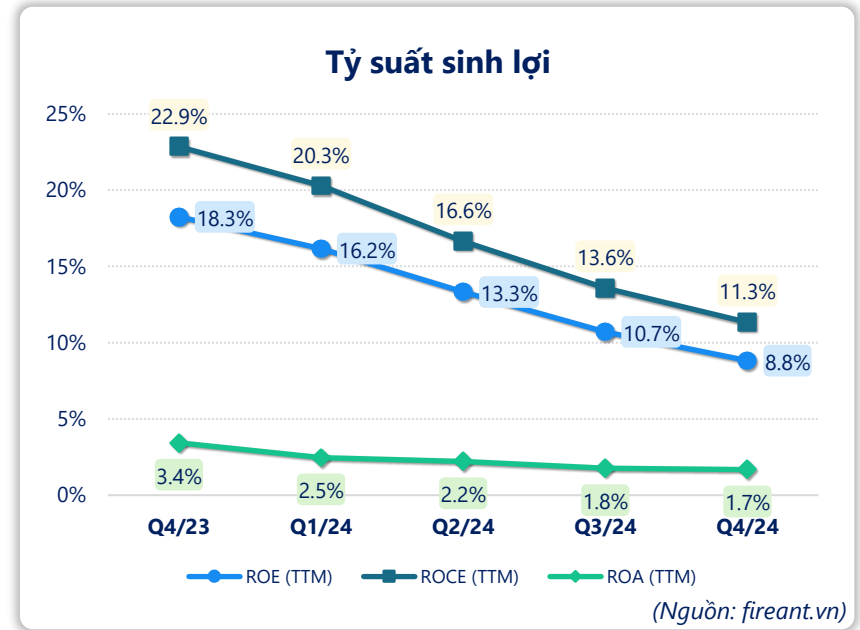
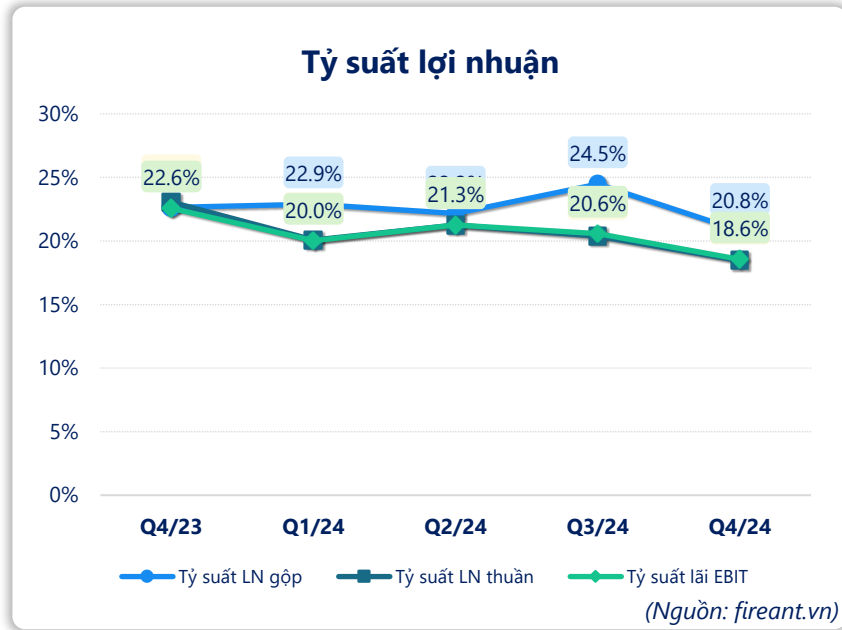
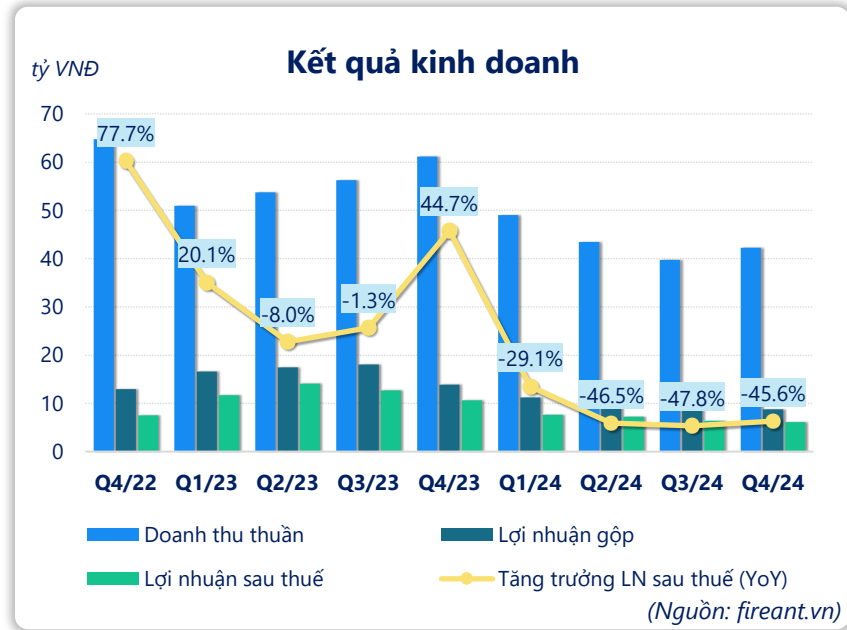


Thông tin giao dịch		31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		17,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		22,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		15,800
SL cổ phiếu LH		14,420,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		242
% sở hữu nước ngoài		0.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		254
P/E		9.6
EPS		1,840

	YTD	1T	3T	6T
SGS		1.7%	8.0%	-20.7%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	350	333	5.1%
Tài sản ngắn hạn	267	244	9.3%
Tiền và tương đương tiền	43.7	20.3	116%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	188	185	1.8%
Phải thu ngắn hạn	33.1	35.3	-6.0%
Hàng tồn kho	0.69	1.19	-42.0%
Tài sản ngắn hạn khác	1.30	2.63	-50.8%
Tài sản dài hạn	83.2	89.0	-6.5%
Phải thu dài hạn	1.01	0.13	700%
Tài sản cố định	65.2	69.8	-6.6%
Bất động sản đầu tư	3.08	3.28	-5.9%
Tài sản dở dang	2.59	2.59	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	2.61	3.04	-14.1%
Lợi thế thương mại	8.70	10.2	-14.3%
Nợ phải trả	35.8	46.7	-23.2%
Nợ ngắn hạn	27.5	37.2	-26.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0.23	0.34	-32.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	10.9	16.9	-35.3%
Nợ dài hạn	8.35	9.48	-12.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0.35	0.57	-39.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	315	287	9.7%
Vốn chủ sở hữu	315	287	9.7%
Vốn điều lệ	144	144	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	61.1	49.0	43.5	39.8	42.2
Giá vốn hàng bán	47.3	37.8	33.8	30.0	33.4
Lợi nhuận gộp	13.8	11.2	9.63	9.73	8.78
Doanh thu HĐTC	5.89	1.65	2.51	2.05	3.77
Chi phí TC	0.05	0.03	0.03	0.08	0.02
Chi phí lãi vay	0.04	0.03	0.02	0.02	0.02
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	5.58	3.00	2.88	3.59	4.73
LN thuần từ HĐKD	14.1	9.85	9.24	8.10	7.80
Lợi nhuận khác	-0.34	-0.05	-0.01	0.06	0.02
LN trước thuế	13.8	9.80	9.22	8.17	7.82
Lợi nhuận sau thuế	10.6	7.62	7.22	6.38	6.11
LNST của CĐ cty mẹ	10.6	7.64	7.23	5.92	5.74

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.87	1.35	6.64	6.80	4.97
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-2.61	5.83	-2.93	2.87	-0.81
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.14	-0.10	-0.15	-1.00	-0.06
Tiền đầu kỳ	22.1	20.3	27.3	30.9	39.6
Lưu chuyển tiền thuần	-1.89	7.08	3.56	8.67	4.10
Ảnh hưởng tỷ giá	0.05	0	0.00	0	0.05
Tiền cuối kỳ	20.3	27.3	30.9	39.6	43.7

(Nguồn: fireant.vn)